

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN HẬU Ở VIỆT NAM

PHAN THỊ HOA LÝ

Thiên Hậu là một nữ thần biển của người Hoa, là một trong ba vị thần được thờ cúng nhiều nhất trong tín ngưỡng dân gian của họ (Thiên Hậu, Quan Công, thần Tài). Tín ngưỡng này ra đời từ thế kỉ thứ X, tại Phúc Kiến, Trung Quốc rồi theo chân người Hoa di cư tới nhiều nơi trên thế giới. Ở nước ta, hầu hết những nơi có người Hoa di cư tới đều có thờ Thiên Hậu, đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh, nơi có khoảng 90% người Hoa của cả nước đang sinh sống. Tín ngưỡng này là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện bản sắc văn hóa Hoa, đồng thời, có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người Hoa cũng như với việc gắn kết họ với các tộc người bản địa. Có lẽ vì thế mà những năm gần đây, tín ngưỡng này ngày càng thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu văn hóa nước ta. Trong bài viết này, chúng tôi xem xét tổng quan tình hình nghiên cứu tín ngưỡng Thiên Hậu ở Việt Nam từ trước đến nay, dựa theo nguồn tư liệu thu thập được. Trong đó, chúng tôi lấy nội dung của các tư liệu làm tiêu chí phân loại, do đó, nó có thể ngẫu nhiên trùng với các mốc lịch sử, cũng có thể không.

1. Giai đoạn từ thế kỉ XIX trở về trước

Giai đoạn này có bảy tư liệu ít nhiều đề cập tới đời sống, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng của người Hoa, trong đó có nhắc đến những đền thờ Thiên Hậu (có nơi gọi là Thiên Phi) hay truyền thuyết về Bà. *Hải ngoại kỉ sự* mô tả cuộc sống của Hoa kiều ở Quảng Nam vào cuối thế kỉ XVI. *Gia Định thành thông chí* đề cập tới phong tục, tập quán, đền miếu của toàn thành (toàn vùng Nam Bộ ngày nay), trong đó có người Hoa. *Hưng Yên tỉnh nhất thống chí* cho biết, ở Phố Thượng và Phố Hạ, xã Bắc Hòa, huyện Kim Động, có hai ngôi đền thờ Thiên Hậu, do người Thanh lập nên. Hưng Yên danh tích lược biên thì chép truyền thuyết về Bà. *Đại Nam nhất thống chí*, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, *Đông Khánh địa dư chí* có nhắc đến những điểm tụ cư của người Hoa cùng các đền miếu của họ, song, số đền, miếu thờ Thiên Hậu ở mỗi cuốn lại khác nhau. Các tư liệu này đều viết bằng chữ Hán, dưới dạng kí sự, sưu tầm, biên soạn nhưng chủ yếu là địa chí (năm cuốn). Do đặc trưng thể loại nên các tác phẩm nói trên chỉ ghi chép rất ngắn gọn về những đình, đền, chùa miếu ở khu vực.

2. Giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945

Giai đoạn này xuất hiện nghiên cứu đầu tiên, viết bằng Quốc ngữ, đề cập tới thế lực của người Hoa ở Nam Kỳ và vấn đề di dân từ Bắc Kỳ, Trung Kỳ vào. Tác phẩm cho thấy quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của cộng đồng người Hoa ở Nam Kỳ từ thế kỉ XVII tới năm 1922, đặc điểm dân cư, cơ cấu tổ chức xã hội, hoạt động kinh tế, phong tục tập quán và những nét bản sắc văn hóa của họ. Họ nhàn nại, giỏi buôn bán nhưng hành động "rất là kín đáo, thâm trầm khôn ngoan, độc ác..." (Đào Trinh Nhất 1924: 26), mọi việc "đều lấy kim tiền mà đẩy lên cao" (Nt, tr. 26). Họ tổ chức cộng đồng, nghề nghiệp theo các bang, hội, đặc biệt là thiết lập mạng lưới buôn bán hết sức chặt chẽ, đoàn kết, nhằm lũng đoạn thị trường và độc quyền buôn bán. Họ di dân tới Nam Kỳ với mục đích cầu lợi, đứng ngoài chính trị và mỗi khi nước ta có chiến tranh là dịp họ làm giàu. Mang tư tưởng "thôn lạc" cho nên "Hoa kiều đến ở một chỗ nào, chẳng những đã không muốn đồng hoá với chỗ ấy, mà lại muốn lập chỗ ấy thành nơi "đệ nhị cố hương" (Nt, tr. 45). Họ xây dựng nhiều trường học để

dạy Trung văn và giáo dục về văn hóa truyền thống Hoa cho lớp trẻ. Họ cũng xây nhiều bệnh viện, các hội từ thiện và lập ra một số tờ báo nhằm truyền bá tư tưởng cổ quốc. Đó là tình hình người Hoa ở Nam Kỳ trong thời kỳ Pháp đô hộ, khi mà "đi quanh trong đường phố, cứ gặp mười người Tàu, mới gặp ba người mình" (Nt, tr. 29) và ở lục tỉnh, "thì tỉnh nào Khách trú cũng chiếm già nửa" (Nt, tr. 29). Trong số họ "90 phần 100 là nghề buôn bán" (Nt, tr. 29) mà lại "buôn bán gian tham" (Nt, tr. 35) và "quỷ quái hết sức" (Nt, tr. 36) nên đã tạo được cho mình một thế lực kinh tế mạnh nhất Nam Kỳ một thời.

Có thể nói rằng, đây là một khảo cứu dài hơi đầu tiên, rất công phu với những luận giải thuyết phục về mối quan hệ giữa đất đai, tài nguyên với kinh tế, giữa nguồn nhân lực với sự phát triển và những vấn đề dân tộc, thời đại. Nó đã cung cấp cho độc giả bức tranh toàn cảnh nước Nam những năm đầu thế kỉ XX. Tuy không nghiên cứu chuyên biệt về văn hóa, tín ngưỡng Hoa nhưng tác phẩm đã cung cấp nhiều thông tin rất giá trị về mọi mặt trong cuộc sống của họ ở Nam Kỳ dưới chế độ bảo hộ của thực dân Pháp. Qua đó, người đọc thấy được đặc trưng tính cách của người Hoa và một số nét bản sắc văn hóa của họ. Những nghiên cứu đi sau dù tìm hiểu các lĩnh vực khác như kinh tế, văn hóa, xã hội của người Hoa đều có thể tham khảo.

3. Giai đoạn từ 1946 đến năm 2000

3.1. Từ 1946 đến 1985

Giai đoạn này có một công trình sưu tầm, viết bằng chữ Hán là *Thăng Long cổ tích khảo tịnh hội đồ*, trong đó có chép về ngôi đền thờ Thiên Hậu ở Hà Nội⁽¹⁾. Một số nghiên cứu khác đề cập tới lịch sử hình thành, tổ chức xã hội, hoạt động kinh tế và đời sống văn hóa của người Hoa ở từng địa phương của nước ta, trong đó, ít nhiều phản ánh các phong tục, tập quán và tôn giáo, tín ngưỡng của họ như nghiên cứu về thương cảng Thanh Hà (ở Huế) của Bùi Minh Trí, về làng Minh Hương, phố Thanh Hà ở Huế và Minh Hương xã ở Hội An của Trần Kinh Hòa, Chế Thị Hồng Hoa... Một số nghiên

cứu đã chú ý đến quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Hoa - Việt, nhất là nhóm Minh Hương. Trần Kinh Hòa nhận xét: "...hiện nay dân làng Minh Hương đã Việt hóa hoàn toàn, cùng các làng mạc Việt Nam, hầu chẳng còn gì phân biệt" (1961: 96). Chế Thị Hồng Hoa chỉ ra kết quả hai chiều của quá trình này, rằng "chính quá trình giao lưu ấy đã tạo nên cho Minh Hương những nét đặc biệt riêng khó tìm thấy ở bất cứ một làng người Việt nào" (1982: 135) nhưng cũng lại làm cho "Làng Minh Hương hiện nay là một làng Việt Nam như bao ngôi làng khác" (1982: 106). Sơn Nam thì thống kê được 11 miếu Thiên Hậu đã được "Việt hóa" ở thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó cũng cần chú ý tới những nhận định chủ quan, khiên cưỡng, thiếu sức thuyết phục và tâm lý tự tôn dân tộc thái quá của Tsai Maw Kuey khi cho rằng, người Hoa đến Việt Nam là "một người khách được mời đến, được chờ đón, khuyến khích,..." (1968: 236), hay việc Chính phủ Việt Nam ra những điều luật về việc nhập quốc tịch bản địa đối với người Hoa di cư là sự "săn đón, mời mọc đối với họ" (1968: 242), thậm chí nhận định rằng Trung Quốc "là quốc gia đã từng dạy dỗ nó (tức Việt Nam - P.T.H.L) rất nhiều và nó mang ơn rất nhiều" (1968: 243)...

Liên quan tới nghiên cứu tín ngưỡng Thiên Hậu, Johannes Widodo phân tích vai trò của các quốc gia: Phù Nam, Chân Lạp, Chàm cùng các đền thờ Thiên Hậu đối với mậu dịch đường biển và sự xuất hiện các thành phố duyên hải tại Đông Nam Á. Ông cho biết, tín ngưỡng Thiên Hậu lan tràn đến Đông Nam Á vào thế kỉ XV và đền thờ Bà là "thành tố đầu tiên và chính yếu lâu đời nhất tại nhiều thành phố hải cảng trong vùng này, dọc theo bến tàu" (1958: 19). Các khu định cư mới của di dân Hoa "được tái dựng dựa trên một mô hình không gian tương tự như của chiếc tàu, nơi mà ngôi đền thờ Mazu sẽ đặt ở cuối trục đối diện với bến tàu" (Nt, tr. 20). Nghiên cứu cũng cho biết, "trong nhiều ngôi đền thờ Mazu cổ xưa khắp Đông Nam Á, việc dâng cúng thịt heo bị cấm đoán" (Nt, tr. 24).

Giai đoạn này cũng có những công trình, trong đó, giới thiệu lễ hội Thiên Hậu ở một chùa, miếu cụ thể, như cuốn *Cà Mau xưa và*

An Xuyên nay, có bài viết về lễ hội chùa Bà Mã Châu, tỉnh Cà Mau hay nghiên cứu về tín ngưỡng của người Hoa ở quận 5, thành phố Hồ Chí Minh mô tả các hoạt động tín ngưỡng ở hội quán Tuệ Thành. Bài viết cho thấy những đặc trưng riêng của lễ hội Thiên Hậu ở Cà Mau như: lễ vía Bà vào rằm tháng Giêng, có hát Tiều, có tục vay tiền trả lễ, vay hồng cam ăn chữa bệnh và tục "thí giàn" để giải hạn, ách, cho xin xăm, bần xăm và tục thề nguyện trước ban thờ Bà. Công trình về tín ngưỡng của người Hoa ở quận 5 thì mới dừng ở mức khảo tả, sơ lược.

Như vậy, từ 1945 đến 1985, số lượng bài viết, công trình sưu tầm, nghiên cứu liên quan tới vấn đề người Hoa ở Việt Nam nói chung, tôn giáo, tín ngưỡng của họ nói riêng chưa nhiều, chúng hoặc thuộc thể loại địa chí, hoặc được tiếp cận từ góc nhìn lịch sử, dân tộc học, chính trị. Các tác giả chủ yếu quan tâm tới quá trình hình thành, phát triển cộng đồng người Hoa ở Việt Nam, tổ chức xã hội, hoạt động kinh tế và chính sách của các chính thể cầm quyền địa phương đối với họ. Đời sống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của người Hoa nói chung, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở nước ta nói riêng mới bước đầu được đề cập và hầu hết là những chương, mục hay một phần nhỏ nằm trong các bài viết, các công trình, giúp người đọc bước đầu hình dung ra diện mạo của chúng.

3.2. Từ 1986 đến năm 2000

Từ sau Đổi mới (1986), với chính sách mở cửa và phát triển nền kinh tế thị trường, đời sống của nhân dân được nâng cao rõ rệt. Cùng với đó là chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng đã khiến cho các hội hè, đình đám được dịp phục hồi và phát triển, giới nghiên cứu cũng không còn dè dặt hay e ngại khi đề cập tới lĩnh vực này. Có lẽ, do đó mà số lượng bài viết và các công trình sưu tầm, nghiên cứu về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng ở nước ta nói chung, của người Hoa nói riêng, ở thời kỳ này đã có sự gia tăng đáng kể.

Thời kỳ này có một số bài viết gián tiếp đề cập tới đời sống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng

của người Hoa, những đặc tính và sự tiếp biến của nó để hội nhập vào xã hội bản địa, trong một chủ đề khác như nghiên cứu về "Phố cổ Thanh Hà", về người Hoa ở Huế, về "Tín ngưỡng thờ mẫu của người Việt ở Nam Bộ"... Một số bài đề cập trực tiếp thì tiếp cận từ nhiều khía cạnh khác nhau, như Trần Hồng Liên phân tích yếu tố văn hóa Hoa qua kiến trúc, điêu khắc, Trần Khánh xem xét quá trình hội nhập của người Hoa vào xã hội Việt Nam hiện đại qua sự thay đổi của: giáo dục, thông tin đại chúng, văn hóa - nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, Châu Hải tìm hiểu tính dung hợp trong tôn giáo tín ngưỡng của người Hoa ở nước ta... Một số tham luận trong cuộc hội thảo về *Phố Hiến* nghiên cứu về văn hóa vùng đất này, cuối cùng, đều chỉ ra sự giao lưu, tiếp biến văn hóa Hoa - Việt ở những mức độ khác nhau, trên những phương diện khác nhau, chứng tỏ, diện mạo văn hóa Phố Hiến hiện nay là kết quả của một quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa Hoa - Việt lâu dài và đã có sự biến đổi nhất định. Các bài viết trong cuốn *Bước đầu tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt - Hoa trong lịch sử* cũng hướng tới chủ đề này. Mỗi tác giả tiếp cận vấn đề từ một khía cạnh khác nhau (làng nghề thủ công, kiến trúc, mỹ thuật, tranh dân gian...), qua việc chỉ ra những yếu tố văn hóa Hoa hiện diện trong đó để chứng minh cho sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa. Nhiều tác giả cho rằng, giao lưu văn hóa có tính chất hai chiều và mỗi bên, sau khi tiếp thu yếu tố văn hóa mới thì đều có quá trình biến đổi cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có những ý kiến trái chiều. Chẳng hạn, Châu Thị Hải thì cho rằng "Xu hướng truyền tin đi từ "chuyển tải" đến "hội nhập" và bên "tiếp nhận" tin thì đi từ "tiếp biến" đến "đồng nhất" (Phạm Đức Dương - Châu Thị Hải Cb 1998: 28), trong khi Đinh Xuân Lâm lại khẳng định: "đây là một sự tiếp nhận chủ động, có sự chọn lựa, sàng lọc, đặc biệt là có sự cải biến để đi tới hòa đồng mà không đồng nhất... Ở đây yếu tố Việt là yếu tố trội, giữ vai trò chủ đạo, còn yếu tố Hán ngoại lai phải hòa nhập, đồng hóa trong yếu tố Việt mới được chấp nhận" (Nt, tr. 91).

Bên cạnh đó là những công trình ít nhiều đề cập tới văn hóa Hoa, như *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam* của Châu Hải,

Định cư của người Hoa trên đất Nam Bộ của Nguyễn Cẩm Thúy, về xã hội người Hoa của Mạc Đường hay các cuốn địa chí... Các tác giả thể hiện những quan điểm riêng của mình khi nhìn nhận giao lưu văn hóa Hoa với các tộc người sở tại. Theo Châu Hải, người Hoa có đặc tính thích nghi, do đó, họ "không tự đánh mất sắc thái văn hóa của mình, mà còn tạo điều kiện cho nó phát triển đan xen trong nền văn hóa sở tại" (1992: 140). Nguyễn Cẩm Thúy cho rằng, tín ngưỡng và tôn giáo Hoa thể hiện "rõ hơn vai trò, ảnh hưởng và sự tác động của văn hóa Hoa đối với người Việt" (2000: 52), song, chúng tác động qua lại lẫn nhau chứ không chỉ có một chiều (Nt, tr. 46) và người Hoa "đã thật sự hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng của các dân tộc Việt Nam" (Nt, tr. 73). *Địa chí văn hóa quận 5, thành phố Hồ Chí Minh* lý giải, do nơi đây có nhiều tộc người cộng cư nên tín ngưỡng dân gian có sự giao thoa, "làm phong phú, đa dạng thêm cho điện thờ và giới thiệu ngày càng rõ nét hơn xu thế hội nhập văn hóa, đã làm cho thần điện các miếu Hoa ngày càng biểu hiện rõ nét xu thế Việt hóa..." (Phan An Cb 2000: 135). Một số công trình khác nghiên cứu riêng biệt về tôn giáo, tín ngưỡng ở từng vùng hay cả nước, qua đó, chúng ta hiểu được tín ngưỡng Hoa trong tổng thể của nó như: *Văn hóa tâm linh Nam Bộ* của Nguyễn Đăng Duy, nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian ở Huế của Huỳnh Đình Kết và Trần Đại Vinh, *Chùa Hoa thành phố Hồ Chí Minh...* Nghiên cứu của Võ Thanh Bằng cho thấy, người Hoa ở quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đã "tiếp thu hoặc tham dự" vào "một số tín ngưỡng của người Việt, người Chăm, người Khmer" (1997: 84). Nguyễn Minh San cho biết ba hình thức thờ Bà là: tại các ngôi đền riêng, phối tự trong các chùa Hoa và phối thờ trong gia đình người Hoa (1998: 385-389). Nguyễn Thị Hoa Xinh chỉ ra điểm khác trong tín ngưỡng Thiên Hậu của người Hoa gốc Quảng Đông so với các nhóm Hoa khác. Mạc Đường cho rằng, "người Hoa muốn qua tục thờ Thiên Hậu giáo dục cộng đồng họ, nhất là phụ nữ Hoa lòng hiếu thảo với cha mẹ, xả thân vì mọi người, vị tha, thương yêu và giúp đỡ tận tình người gặp hoạn nạn" (1994: 106)...

Thời kỳ này còn có một số bài viết, công trình mô tả kiến trúc hay lễ hội Thiên Hậu ở một di tích cụ thể, như đền Thiên Hậu ở Phố Hiến, chùa Bà làng Minh Hương ở Huế, lễ hội chùa Bà ở Bình Dương... Những tác phẩm này mới dừng ở mức độ khảo tả, chưa có cách tiếp cận hữu hiệu cũng như chưa có phát hiện mới.

Như vậy, giai đoạn 1986 - 2000, nghiên cứu về văn hóa của người Hoa ở nước ta nói chung, về tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội của họ nói riêng đã bước đầu được chú ý. Các công trình này phong phú, đa dạng về thể loại và hướng tiếp cận. Bên cạnh những tư liệu sưu tầm, ghi chép còn có những bài khảo cứu ngắn và những công trình mô tả hoặc nghiên cứu dài hơi, riêng biệt hay thể loại địa chí. Bên cạnh những nghiên cứu về di dân, làng nghề, về điêu khắc, kiến trúc, hội họa, âm nhạc còn có các nghiên cứu về đèn, miếu, hội quán, bia kí hay đời sống tín ngưỡng của người Hoa. Đáng chú ý là, phần lớn những nghiên cứu này đều chú ý tới quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Hoa với văn hóa bản địa trong những khía cạnh đó. Các tác giả sử dụng những thuật ngữ "đồng nhất", "đồng hóa", "Việt hóa", "hòa đồng", "hòa nhập", "hòa tan"... để nhìn nhận, đánh giá quá trình này, đồng thời, thể hiện quan điểm khác nhau, thậm chí mâu thuẫn về vấn đề này. Giai đoạn này đã xuất hiện những nghiên cứu riêng về tín ngưỡng Thiên Hậu, song chủ yếu ở dạng bài viết và nặng về khảo tả.

4. Giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến nay

Từ đầu thế kỉ XXI đến nay là thời kỳ "nở rộ" những nghiên cứu về chủ đề này. Tín ngưỡng Thiên Hậu được nghiên cứu ở nhiều mức độ khác nhau, tiếp cận từ nhiều phương diện khác nhau, với nhiều thể loại khác nhau, thể hiện cả dưới dạng những bài viết đăng trên các báo, tạp chí, sách, kỷ yếu hội thảo hay trong những công trình nghiên cứu chuyên biệt. Số lượng tư liệu cũng tăng vượt bậc. Tuy nhiên, có thể chia thành hai loại: tư liệu mà nội dung có phần liên quan đến và tư liệu mà nội dung trực tiếp đề cập tới tín ngưỡng Thiên Hậu ở Việt Nam.

4.1. Tư liệu liên quan tới nghiên cứu tín ngưỡng Thiên Hậu ở Việt Nam

Có 46 bài viết được đăng tải trên các báo, tạp chí chuyên ngành liên quan tới văn hóa, tín ngưỡng của người Hoa và tín ngưỡng Thiên Hậu, trong đó có 17 bài về sự hình thành, tổ chức xã hội và cuộc sống của cộng đồng Hoa, 11 bài viết về phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, bốn bài viết về ẩm thực Hoa, sáu bài về giao lưu văn hóa Hoa với văn hóa các tộc người bản địa. Thời kỳ này cũng có nhiều cuộc hội thảo, công trình nghiên cứu, biên soạn về văn hóa dân gian, di sản văn hóa và tín ngưỡng, lễ hội được tổ chức như: *Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hóa văn nghệ dân gian Nam Bộ, Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ, Văn hóa thờ nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và châu Á: Bản sắc và giá trị...* Rất nhiều bài viết, tham luận trong các công trình đó đề cập tới các chủ đề: phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội ở các vùng, miền, trong đó có văn hóa Hoa và tín ngưỡng Thiên Hậu. Chủ đề giao lưu văn hóa Hoa với các tộc người sở tại cũng được chú ý và tiếp cận thông qua hôn nhân, qua nghiên cứu hội quán, tôn giáo, tín ngưỡng, ẩm thực... Qua những tác phẩm này, độc giả phần nào hình dung được nét tương đồng, dị biệt của tín ngưỡng Thiên Hậu ở từng vùng. Chẳng hạn, ở Bình Thuận, trước chiến tranh, người Hoa có lệ thỉnh ông Quan Công sang thăm bà Thiên Hậu, ở lại hai ngày mới về (Tô Quyên, Trần Ngọc Trác, Phan Minh Đạo Cb 2006: 635). Ở Bà Rịa - Vũng Tàu, dịp vía Bà: "trong phần nghi lễ, có sự đan xen giữa những tập tục Hoa và Việt, như lễ cúng tiền hiền, lễ nghinh bà Thủy, lễ khai viên, lễ cúng cô hồn ở ngoài sân, lễ Đại bội..." (Thạch Phương, Nguyễn Trọng Minh Cb 2005: 591). Ở Đồng Nai, Bà đã hòa nhập với thần thánh địa phương, trở thành thần bản địa (Huỳnh Văn Tới Cb 2001: 78) và lễ vía có cả nghi thức Đạo giáo. Ở quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, tín ngưỡng của người Hoa đã tiếp nhận thêm Chúa Xứ Thánh Mẫu (Hồ Hữu Nhật Cb 2005: 274)... Bên cạnh đó còn có 30 công trình sưu tầm, biên soạn, hồi ký và nghiên cứu về văn hóa nói chung hay tín ngưỡng, lễ hội dân gian

ở các vùng, miền và 24 công trình nghiên cứu về văn hóa Hoa, trong đó, ít nhiều đề cập tới tín ngưỡng Thiên Hậu. Có hai công trình nghiên cứu giao lưu văn hóa Việt - Hoa qua các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo Hoa hay qua mọi phương diện của văn hóa vật thể và phi vật thể ở từng địa bàn, song đều có kết luận là văn hóa Hoa đã có sự giao lưu, tiếp biến mạnh mẽ với văn hóa Việt.

4.2. Những ghi chép, nghiên cứu chuyên biệt về tín ngưỡng Thiên Hậu

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay cũng là thời kỳ nở rộ những tư liệu ghi chép, sưu tầm và những nghiên cứu chuyên biệt về tín ngưỡng Thiên Hậu ở Việt Nam. Ngoài một vài cuốn sách ghi chép, sưu tầm, truyền thuyết Thiên Hậu còn được tạc trên các bia đá hoặc ghi chép trên các tấm bảng, các tờ rơi của các hội quán, chùa, miếu lớn thờ Bà, bằng cả tiếng Trung và Việt. Nhiều bài viết mô tả di tích và lễ hội Thiên Hậu ở một cơ sở cụ thể, song cũng có bài khái quát đặc điểm, tính chất chung của tín ngưỡng này ở một vùng, đăng trên các báo in, báo mạng và một số tạp chí.

Có 13 tham luận về tín ngưỡng Thiên Hậu ở các vùng, miền hay trên phạm vi cả nước... Võ Văn Hoàng nhận xét rằng, hiện nay, tín ngưỡng này ở Hội An đã du nhập những nét văn hóa mới vào phần hội "nhưng không đánh mất đi bản sắc văn hóa của dân tộc" (Nhiều tác giả 2008: 352). Phạm Văn Tú khảo sát các cung thờ Thiên Hậu ở ven biển miền Trung, thành phố Hồ Chí Minh và Cà Mau, so sánh thần điện ở ba nơi đó rồi đưa ra một số nhận xét như: hai cận vệ Thiên Lý Nhân, Thuận Phong Nhĩ chỉ có ở Phố Hiến, hội quán Phúc Kiến ở Hội An và thị trấn Ông Đốc (Nt, tr. 366); ở Nam Bộ, bà chúa Thai Sinh và 12 bà mẹ chỉ được thờ ở gia đình mà không thờ ở cung Thiên Hậu hay các cơ sở thờ tự cộng đồng (Nt, tr. 367) và không thấy thờ Tài Bạch Tinh Quân ở các cung thờ Bà (Nt, tr. 368); hầu hết cung thờ đều thờ Thành hoàng bên phải Bà (Nt, tr. 367); Quan Công chỉ được phối tự trong hai cung Thiên Hậu ở Bình Thuận và Cà Mau (Nt, tr. 368-369) hay đa số các cung thờ Thiên

Hậu ở Nam Bộ đều phối thờ bà Hỏa (Nt, tr. 369). Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu khác về tín ngưỡng này như những bài viết hay công trình của Huỳnh Đình Kết, Trần Hồng Liên, Phan An, Tống Quốc Hưng, Nguyễn Ngọc Thơ, Lâm Hoàng Viên... đặc biệt là thống kê của Võ Thanh Bằng (2005: phần Phụ lục) cũng như kết quả điền dã của chúng tôi, cho thấy, những nhận xét trên là hoàn toàn không sát thực. Phải chăng, do lượng mẫu ít, chưa đại diện hết cho các kiểu loại của tín ngưỡng này và việc khảo sát chưa đầy đủ, kỹ lưỡng nên dẫn tới thiếu sót trên?

Nghiên cứu về "Tín ngưỡng Thiên Hậu trong văn hóa Tây Nam Bộ", Nguyễn Ngọc Thơ cho rằng, hai giá trị lớn nhất của nó là: giáo dục người Hoa về đạo đức và kết nối hai tộc Hoa - Việt trong kinh tế, văn hóa (2010: 223). Nó cũng có đặc trưng riêng là "mang đậm chất đô thị" và "đi vào từng gia đình cư dân Hoa và Việt" (2010: 224), đồng thời, có tác dụng liên kết ba tộc người Hoa, Việt, Khmer trong văn hóa ứng xử với môi trường xã hội (2010: 226). Trong một nghiên cứu khác về tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Nam Bộ⁽²⁾, tác giả cho rằng tục thờ này "có thể được xem là một dạng thức di sản văn hóa được những người Hoa di dân mang đến Nam Bộ và hóa thạch ở lại" (Nguyễn Ngọc Thơ, Trịnh Xuân Tuyết 2014: 294), song nó có "tính chất phân tán và linh hoạt" (Nt, tr. 286) và "đã có những biến đổi sâu sắc trong cả quan niệm lẫn thực hành tín ngưỡng" (Nt, tr. 315). Tác giả cũng khẳng định, tín ngưỡng này là hạt nhân phản ánh văn hóa Hoa tộc, là biểu tượng của sự giao lưu văn hóa Hoa - Việt - Khmer và thu hút ngày càng nhiều người Việt tham gia, đồng thời, có xu hướng gắn với Phật giáo. Có thể thấy sự mâu thuẫn trong những nhận xét của tác giả, bởi vì, nếu "đã có những biến đổi sâu sắc trong cả quan niệm lẫn thực hành tín ngưỡng" thì sao có thể nói là "hóa thạch" được?

Giai đoạn này có một tham luận đề cập tới tín ngưỡng Thiên Hậu trên phạm vi cả nước và tìm hiểu vai trò của nó trong quá trình hội nhập quốc tế. Tác giả cho rằng, tín ngưỡng Thiên Hậu là chỗ dựa tinh thần và "là một hình

thức giáo dục, định hướng cho cộng đồng người Hoa về *nhân cách sống*" (Trần Hồng Liên 2006: 361), đồng thời giúp "duy trì được *đặc trưng tộc người*, các yếu tố về thuần phong mỹ tục, tập quán của người Hoa" (Nt, tr. 363) và đây cũng "chính là những điều kiện góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập của Việt Nam vào khu vực và thế giới" (Nt, tr. 364).

Cùng nghiên cứu tín ngưỡng Thiên Hậu trên phạm vi cả nước còn có chương viết về Thiên Hậu Thánh Mẫu trong cuốn *Đạo mẫu Việt Nam* của Ngô Đức Thịnh. Tác giả khái quát tục thờ Thiên Hậu ở nước ta, chỉ ra những nét đặc trưng, khác biệt của tín ngưỡng này giữa các vùng miền, đồng thời bước đầu chú ý tới sắc thái văn hóa Hoa địa phương giữa hai nhóm Quảng Đông và Phúc Kiến về mặt kiến trúc, trang trí chùa, miếu. Nghiên cứu đưa ra kết luận, rằng thờ Mẫu là "nét nổi trội và điển hình nhất" cho sự giao lưu văn hóa sống động giữa các tộc người Việt - Chăm - Hoa - Khmer và kết quả là "tạo nên những tương đồng, những nét thống nhất văn hóa, tuy nhiên mỗi dân tộc vẫn giữ lại những nét riêng, độc đáo của mình" (2010: 366).

Tháng 4/2014, hội thảo về tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ được tổ chức với 8/78 tham luận nghiên cứu riêng biệt về tín ngưỡng Thiên Hậu. Có thể nói, đây là cuộc hội thảo đầu tiên mà trong đó, tín ngưỡng Thiên Hậu thu hút sự quan tâm nhiều như vậy. Mỗi bài viết đều có một không gian nghiên cứu riêng, cách tiếp cận riêng và có những đóng góp nhất định. Tham luận của Võ Thị Ánh Tuyết so sánh tín ngưỡng Thiên Hậu ở Hội An với thành phố Hồ Chí Minh qua các hiện vật (khám thờ, tượng thờ, bài vị, hoành phi, liễn đối...), các nghi tục và lễ hội Thiên Hậu để tìm ra những nét tương đồng và khác biệt. Lê Thị Thanh Thủy thì chú ý tới vai trò xã hội của tín ngưỡng này, cho rằng, nó giúp nâng cao hệ thống chuẩn mực đạo đức trong cộng đồng người Hoa và góp phần điều chỉnh xã hội, phát triển kinh tế thành phố, chủ yếu qua tiềm năng du lịch. Đặng Hoàng Lan khảo sát và so sánh lễ hội Thiên Hậu ở chùa Bà Bình Dương với chùa Bà Tuệ Thành ở quận 5, thành phố Hồ Chí

Minh để tìm ra những giá trị của nó. Tác giả cho rằng, giá trị của lễ vía này là bảo lưu văn hóa, nghệ thuật Hoa truyền thống, cố kết cộng đồng, mang lại sự bình an trong tâm hồn cho người tham gia lễ hội, phản ánh cái đẹp, giúp con người hướng thiện và góp phần phát triển du lịch. Giống như Võ Thị Ánh Tuyết, Đào Vĩnh Hợp tìm hiểu tín ngưỡng Thiên Hậu ở các hội quán người Hoa tại thành phố Hồ Chí Minh qua các hiện vật và nghi lễ thờ cúng để chỉ ra các giá trị đặc trưng của nó và giải pháp bảo tồn. Võ Thanh Hùng khảo sát tín ngưỡng Thiên Hậu ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng qua một trường hợp cụ thể - Thiên Hậu cổ miếu. Tác giả kết luận, tín ngưỡng Thiên Hậu ở Vĩnh Châu góp phần quan trọng tạo ra đặc trưng văn hóa mang bản sắc Hoa, tính văn hóa cộng đồng cao, đồng thời đã du nhập một số nét văn hóa mới vào phần hội và ghi nhận sự giao lưu văn hóa Hoa - Việt - Khmer qua tục thờ này. Hai tác giả Lương Chánh Tông và Hoàng Thu Vân thì khảo sát kiến trúc thờ tự, thần điện và lễ hội ở năm di tích thờ Bà tại tỉnh Bình Dương để tìm ra giá trị văn hóa, lịch sử của tín ngưỡng này và đưa ra các giải pháp khắc phục một số tồn tại hiện nay. Nhìn chung, các tham luận trong hội thảo không dừng ở việc mô tả đơn thuần các di tích và lễ hội Thiên Hậu mà đều cố gắng tìm ra vai trò, giá trị cũng như tiếp cận bản chất của nó.

Thời kỳ này có năm nghiên cứu riêng biệt về tín ngưỡng Thiên Hậu ở Nam Định, Hưng Yên, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Cà Mau. Công thức chung của các công trình này là khái quát đặc điểm địa lý tự nhiên, lịch sử, văn hóa vùng đất làm cơ sở rồi mô tả di tích, các nghi lễ, lễ hội và các trò diễn. Tuy nhiên, mỗi công trình lại cho thấy những nét riêng của tín ngưỡng Thiên Hậu trên địa bàn đó. Luận văn nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Hậu ở Phố Hiến thì cho rằng, nó đã thu nhập tín ngưỡng thờ Tứ phủ và có nghi thức hầu đồng, mâm cúng Bà có bánh Tô Châu, cơm nắm, muối vừng... Ở Đà Nẵng, lễ vật cúng Thiên Hậu là xôi gà, bánh trái; lễ cúng đầu năm và tất niên đều có tục tạ ơn, tục xin xăm, xin lộc (Nguyễn Thị Anh Trâm 2013)... Hai luận văn

này mới dừng ở mức mô tả chi tiết về di tích và lễ hội, thiếu sự phân tích sâu và khái quát vấn đề, đồng thời cũng chưa đưa ra những luận điểm mới. Nghiên cứu tín ngưỡng Thiên Hậu ở quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Thanh Xuyên sử dụng phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu các đối tượng tham gia tín ngưỡng, đồng thời áp dụng lý thuyết chức năng, thuyết 'tương đối lịch sử' của Franz Boas và thuyết giao lưu tiếp biến văn hóa để lý giải sự biến đổi cũng như vai trò của tín ngưỡng này đối với đời sống tâm linh của người Hoa và với việc kết nối hai cộng đồng Hoa - Việt. Khóa luận cũng chú ý tìm hiểu tính thống nhất và đa dạng của tín ngưỡng Thiên Hậu giữa các nhóm Hoa địa phương. Cùng với việc khảo tả di tích, các nghi lễ, lễ hội, sơ đồ hóa các đối tượng thờ tự rồi phân tích chúng, kết hợp với phân tích các kết quả phỏng vấn sâu đã khiến cho những nhận xét, kết luận của công trình vừa có tính khách quan vừa có tiếng nói của người trong cuộc (Nguyễn Thị Thanh Xuyên 2008). Phạm Văn Tú tìm hiểu tín ngưỡng Thiên Hậu ở Cà Mau qua việc khảo sát bốn cung thờ nằm rải rác ở các huyện, thị trấn, thành phố. Công trình cho thấy, đặc trưng của tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở đây là lễ cúng nghênh Thánh mẫu hồi cung vào ngày mùng 3 Tết, lễ vay lộc vào rằm tháng Giêng, cúng rằm tháng 7 và cúng cuối năm vào 24/12... Theo nghiên cứu của tác giả thì tín ngưỡng này ở Cà Mau có tính hỗn dung văn hóa, tính cộng đồng, tính thực tiễn⁽³⁾, đồng thời, đóng vai trò điều hòa các mối quan hệ xã hội, góp phần tích cực vào các hoạt động xã hội và tái tạo trạng thái cân bằng trong tâm lý con người. Công trình của Song Thọ cho biết, đền Hàng Sắt Dưới (thành phố Nam Định), ngoài thờ Thiên Hậu, Quan Công thì còn thờ Thổ công, Hà bá, Bà chúa Thai Sinh, Tam Tòa Thánh Mẫu và Quan Âm Bồ Tát. Ở đây có lệ dâng đèn lồng đỏ tới cửa đền vào 30 Tết, để đến mùng 2 Tết thì tổ chức bán đấu giá. Lễ mộc dục, dâng áo choàng đỏ hồng, trướng lược nhuộm đỏ hồng, lễ tam sinh (lợn, chim, cá) cũng tạo màu này để cầu phúc, do chữ *hồng* còn có nghĩa là hồng phúc (phúc lớn). Tác giả cũng so sánh với tục thờ Thiên Hậu ở các nơi

khác như Phố Hiến, Hội An, thành phố Hồ Chí Minh để chỉ ra các đặc trưng của tín ngưỡng này là: dung hợp văn hóa, tính hiện thực, tính cộng đồng xã hội và góp phần giải tỏa tâm lý con người⁽⁴⁾.

Tóm lại, khảo sát tình hình sưu tầm, nghiên cứu tín ngưỡng Thiên Hậu ở Việt Nam, chúng tôi rút ra những nhận xét như sau:

Trước hết, về khối lượng tư liệu sưu tầm, ghi chép và tư liệu nghiên cứu, giai đoạn từ thế kỉ XIX trở về trước có bảy tư liệu trong đó có đề cập tới cuộc sống của người Hoa và ghi chép về một số đền thờ Thiên Hậu trên đất nước ta. Các tư liệu này hoặc thuộc dạng địa chí hoặc là kí sự hoặc thể loại biên soạn, song, tất cả đều được viết bằng chữ Hán. Từ đầu thế kỉ XX đến 1945 chỉ có một tư liệu liên quan, song, đó là nghiên cứu đầu tiên viết bằng Quốc ngữ, cho thấy toàn cảnh bức tranh xã hội người Hoa ở Nam Kỳ một thời. Từ 1946 đến 1985 có 12 tư liệu liên quan tới vấn đề nghiên cứu, trong đó có năm bài viết, hai công trình biên soạn, khảo cứu và năm công trình nghiên cứu. Các tác giả quan tâm nhiều hơn tới quá trình hình thành, phát triển cộng đồng Hoa ở Việt Nam, tổ chức xã hội, hoạt động kinh tế và chính sách của chính quyền đối với họ. Phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng mới bước đầu được đề cập, chủ yếu là "phụ họa" cho một chủ đề khác. Tuy nhiên, đã xuất hiện bài viết về lễ hội bà Thiên Hậu ở một di tích cụ thể, nằm trong một vài cuốn sách. Từ 1986 đến năm 2000 có 32 tư liệu liên quan tới vấn đề, trong đó có một số bài viết ngắn mô tả kiến trúc và lễ hội Thiên Hậu ở một ngôi đền, chùa cụ thể được đăng trên các tạp chí hoặc in trong các sách. Từ đầu thế kỉ XXI đến nay, số lượng tư liệu tăng vọt, đạt khoảng 160 bài viết và công trình, trong đó có khoảng 30 bài viết ngắn về lễ hội bà Thiên Hậu in trên các sách, báo, tạp chí, 13 tham luận và năm đầu sách nghiên cứu chuyên biệt về tín ngưỡng Thiên Hậu, đó là chưa kể những truyền thuyết Thiên Hậu được khắc trên bia đá hay ghi trên tờ rơi giới thiệu di tích của các cơ sở thờ Thiên Hậu. Như vậy, từ trước tới nay có 213 tư liệu sưu tầm, ghi chép và nghiên cứu liên quan tới văn hóa, tín

ngưỡng của người Hoa, trong đó có 56 bài viết, tham luận và công trình nghiên cứu chuyên biệt về tín ngưỡng Thiên Hậu. Tình hình sưu tầm, nghiên cứu cũng cho thấy, càng ngày, tín ngưỡng Thiên Hậu càng được giới nghiên cứu văn hóa ở nước ta chú ý hơn, ngày càng có nhiều công trình nghiên cứu riêng biệt, chuyên sâu hơn về vấn đề này, đồng thời, các nghiên cứu cũng thể hiện nỗ lực nhìn nhận, đánh giá nó một cách toàn diện, sâu sắc và mong muốn nắm bắt bản chất của vấn đề.

Thứ hai, về đóng góp của những tư liệu nói trên. Có thể nói, các tư liệu liên quan đã cung cấp thông tin về quá trình hình thành, phát triển, tổ chức xã hội, hoạt động kinh tế cũng như các phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa nói chung của cộng đồng người Hoa trên đất nước ta. Đây là những kiến thức nền tảng, rất cần thiết để thực hiện bất cứ một nghiên cứu nào về người Hoa hay văn hóa của họ. Bên cạnh đó, những bài viết ngắn mô tả lễ hội Thiên Hậu, tuy chưa đưa ra những nhận định lớn hay ý kiến tranh luận nhưng cũng giúp chúng tôi nhận biết được những đặc điểm của lễ hội này, nét chung và riêng của nó ở mỗi vùng, miền trên đất nước ta. Năm công trình nghiên cứu chuyên sâu về tín ngưỡng Thiên Hậu ở năm tỉnh thuộc ba miền Bắc, Trung, Nam đã khảo tả khá tỉ mỉ di tích và các nghi lễ, lễ hội, đồng thời phân tích những giá trị, vai trò, chức năng của tín ngưỡng này đối với cuộc sống của người Hoa nói riêng với các cộng đồng cùng sinh sống trên địa bàn nói chung, giúp độc giả hình dung rõ hơn những tương đồng và khác biệt của tín ngưỡng Thiên Hậu ở ba miền. Đáng chú ý là 13 tham luận và một chương viết nghiên cứu chuyên sâu về tín ngưỡng Thiên Hậu đã đưa ra những nhận định, đánh giá giúp chúng ta hiểu thêm bản chất của tín ngưỡng này, đồng thời cũng tạo ra những tranh luận thú vị xung quanh vấn đề. Hầu hết các nghiên cứu trên đều sử dụng phương pháp mô tả, một số kết hợp với phân tích, so sánh, thậm chí có cả thể loại hồi kí, tùy bút. Một vài nghiên cứu gần đây còn sử dụng kết quả điền dã, phỏng vấn hay phân tích định lượng và áp dụng một số lý thuyết

Nhân học khiến cho đối tượng nghiên cứu được tiếp cận đa chiều hơn và có thêm tiếng nói của chủ thể, làm cho kết quả nghiên cứu có phần khách quan hơn.

Bên cạnh những đóng góp trên thì những tư liệu sưu tầm, nghiên cứu từ trước đến nay cũng cho thấy một số vấn đề còn bỏ ngỏ. Trước hết là phạm vi không gian của các nghiên cứu. Chiếm hầu hết vẫn là những bài viết ngắn mô tả lễ hội Thiên Hậu ở một di tích cụ thể. Gần đây mới có năm nghiên cứu riêng về tín ngưỡng Thiên Hậu ở một tỉnh và 13 tham luận với những mô tả, nhận xét rất khái quát về tín ngưỡng này trên phạm vi vùng, miền hay toàn quốc. Như vậy, mới có ít công trình nghiên cứu chuyên sâu về tín ngưỡng Thiên Hậu ở một vùng, miền lớn và cũng chưa có một con số thống kê chính xác số lượng chùa, miếu thờ Thiên Hậu trên cả nước, bao gồm cả thờ chính và phối thờ, cả những chùa, miếu lớn hay tư nhân, của người Hoa hay các tộc người khác.

Thêm nữa, tất cả các nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Thiên Hậu từ trước tới nay đều chỉ hướng tới những ngôi miếu lớn, chính thống, được ghi nhận trong các thống kê về di tích lịch sử, văn hóa. Càng những ngôi miếu nổi tiếng thì càng có nhiều nghiên cứu đề cập đến như hội quán Tuệ Thành, Hà Chương, chùa Bà ở Bình Dương... Tục thờ Thiên Hậu tại tư gia cùng sắc thái văn hóa Hoa địa phương trong tín ngưỡng này mới được quan tâm từ khoảng 20 năm trở lại đây. Tuy nhiên, những ngôi miếu Thiên Hậu của tư nhân hay nhóm Hoa lai, nhóm Hoa đã Việt hóa gần như chưa được chú ý. Tương tự như vậy, việc phân loại các dạng thức thờ Thiên Hậu ở Việt Nam cũng chưa hề có nghiên cứu nào đề cập đến.

Từ đầu thế kỷ XX, hầu hết những nghiên cứu về văn hóa, tín ngưỡng Hoa nói chung, tín ngưỡng Thiên Hậu ở nước ta nói riêng đều đề cập tới vấn đề giao lưu, tiếp biến văn hóa Hoa với văn hóa của các tộc người bản địa. Tuy nhiên, giao lưu, tiếp biến như thế nào, mức độ đến đâu, có bị đồng hóa hay không... thì có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái chiều.

Chẳng hạn, Đào Trinh Nhất cho rằng người Hoa rất bảo thủ về văn hóa "họ đi đâu thì đem cái văn hóa của mình đi đấy, dầu cho có bị phong trào xô đẩy, nhưng mà bản sắc vẫn còn..." (1924: 61). Nguyễn Cẩm Thúy nhận xét, người Hoa ở nước ta có hai phản ứng với văn hóa bản địa, là bảo thủ và hội nhập (2000: 47-49) hay ý kiến của tác giả Châu Thị Hải và Đinh Xuân Lâm như chúng tôi đã trình bày ở trên... Giao lưu, tiếp biến văn hóa trong tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu cũng được nhiều công trình nhắc tới. Đa số các ý kiến thống nhất rằng, tín ngưỡng Thiên Hậu là hạt nhân quan trọng giúp phản ánh và giữ gìn bản sắc văn hóa Hoa, là chỗ dựa tinh thần của người Hoa, đồng thời giáo dục ý thức và cố kết cộng đồng Hoa, là cầu nối, tăng cường tình đoàn kết các tộc người cùng sống trên một địa bàn. Bên cạnh đó cũng có một số ý kiến cho rằng, tín ngưỡng này đã du nhập một số yếu tố văn hóa mới vào phần lễ và phần hội. Việc so sánh mức độ giao lưu, tiếp biến văn hóa của các nhóm Hoa địa phương cũng như các kiểu dạng tín ngưỡng Thiên Hậu với văn hóa bản địa có như nhau hay không cũng chưa được giới nghiên cứu chú ý.

Tóm lại, tình hình nghiên cứu tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu ở nước ta cho thấy, tín ngưỡng này ngày càng được giới nghiên cứu quan tâm nhiều hơn, với phương pháp tiếp cận cũng ngày một phong phú, đa chiều hơn. Việc nghiên cứu nó đã đưa lại một số kết quả nhất định, không thể phủ nhận. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại và một số vấn đề còn bỏ ngỏ cần được các nhà nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu sâu, rộng hơn và đa chiều hơn. ■

Chú thích

(1) Cuốn *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam*, tr.627 dẫn lại nội dung trên và ghi nguồn là cuốn *Thăng Long cổ tích khảo* (VHv.2471, 19b). Tuy nhiên, khi chúng tôi kiểm tra lại thì cuốn sách này có kí hiệu là VHc.1314, 1315 và không hề đề cập đến ngôi đền Thiên Hậu hay truyền thuyết về bà. Nội dung trích dẫn và kí hiệu trên được ghi trong cuốn *Thăng Long cổ tích khảo tỉnh hội đồ*. Có lẽ, nhóm tác giả cuốn *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam* có một chút sơ suất chăng? Nguyễn

Minh San trong cuốn *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, tr.383 và Phạm Văn Tú trong cuốn *Văn hoá biển miền Trung và văn hoá biển Tây Nam Bộ*, tr.357 dẫn lại truyền thuyết Thiên Hậu theo cuốn *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam*, dẫn tới lặp lại sai sót trên.

(2) Nguyễn Ngọc Thơ -Trịnh Xuân Tuyết (2014), "Tín ngưỡng Thiên Hậu ở Nam Bộ: Hiện trạng và đặc trưng" trong *Di sản văn hóa trong xã hội Việt Nam đương đại*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr.273-323. Về cùng một nội dung này, tác giả Nguyễn Ngọc Thơ còn có ba bài viết khác, là: 1. Nguyễn Ngọc Thơ (2012), "Tín ngưỡng Thiên Hậu tại Nam Bộ Việt Nam", Tạp chí *Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng*, số 30 (tháng 6), tr.56-64; 2. Nguyễn Ngọc Thơ (2013), "Văn hóa tâm linh và phát triển: Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại Nam Bộ Việt Nam" trong *Văn hóa thờ nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và châu Á - Bản sắc và giá trị*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.660-681; 3. Nguyễn Ngọc Thơ - Trịnh Xuân Tuyết (2014), "Dung hợp đa văn hóa qua tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại Nam Bộ Việt Nam" trong *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ - Bản sắc và giá trị*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr.371-403.

(3) Tính cộng đồng được tác giả hiểu theo nghĩa là cố kết cộng đồng Hoa tộc còn tính thực tiễn được hiểu với nghĩa là phục vụ nhu cầu tâm linh của con người.

(4) Các khái niệm tính hiện thực, tính cộng đồng được sử dụng với nội hàm như trong công trình của Phạm Văn Tú. Đường như có sự "kế thừa" môtip khi tác giả Song Thọ cũng phân tích bốn đặc trưng tín ngưỡng Thiên Hậu như cách làm của Phạm Văn Tú. Hơn nữa, trong danh mục Tài liệu tham khảo có ghi tên công trình này.

Tài liệu tham khảo

1. Phan An chủ biên (2000), *Địa chí văn hoá quận 5 thành phố Hồ Chí Minh*, Quận uỷ - UBND quận 5 xb, thành phố Hồ Chí Minh.
2. Võ Thanh Bằng (1997), *Tín ngưỡng người Hoa quận 6, thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ ngành Dân tộc học, Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh.
3. Võ Thanh Bằng (2005), *Tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở Nam Bộ*, Luận án TS, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
4. Phạm Đức Dương - Châu Thị Hải chủ biên (1998), *Bước đầu tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt - Hoa trong lịch sử*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Mạc Đường (1994), *Xã hội người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975 (Tiềm năng và phát triển)*, Nxb. Khoa học xã hội.
6. Châu Hải (1992), *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Chế Thị Hồng Hoa (1982), *Góp phần tìm hiểu làng Minh Hương ở Huế*, Luận văn tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Huế.
8. Trần Kinh Hòa (1961), "Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên", Tạp chí *Đại học*, số 3, tr.96 - 121.
9. Johannes Widodo (1958), "Phù Nam, Chân Lạp, Chàm và các đền thờ Thiên Hậu trong hoạt động mậu dịch đường biển và sự xuất hiện các thành phố duyên hải tại Đông Nam Á (từ thế kỉ thứ 1 cho đến thế kỉ thứ 16)", Ngô Bắc dịch, <http://www.gio-o.com>.
10. Tsai Maw Kuey (1968), *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*, Bộ Quốc gia Giáo dục.
11. Trần Hồng Liên (2006), "Nghĩ lễ và lễ hội bà Thiên Hậu ở Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế" trong *Giá trị và tính đa dạng của folklore châu Á trong quá trình hội nhập*, Nxb. Thế giới, tr.353-364.
12. Đào Trinh Nhất (1924), *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, bản đăng trên <http://nguyenducmau.blogspotinhcom>.
13. Nhiều tác giả (2008), *Văn hoá biển miền Trung và văn hoá biển Tây Nam Bộ*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
14. Hồ Hữu Nhựt chủ biên (2005), *Địa chí quận 6*, Nxb. Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh.
15. Thạch Phương, Nguyễn Trọng Minh chủ biên (2005), *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Tô Quyên, Trần Ngọc Trác, Phan Minh Đạo chủ biên (2006), *Địa chí Bình Thuận*, Sở Văn hoá thông tin Bình Thuận.
17. Nguyễn Minh San (1998), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
18. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo mẫu Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
19. Nguyễn Ngọc Thơ (2010), "Tín ngưỡng Thiên Hậu trong văn hóa Tây Nam Bộ" trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học Văn hóa phi vật thể người Việt miền Tây Nam Bộ*, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật* và Khoa Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.
20. Nguyễn Ngọc Thơ, Trịnh Xuân Tuyết (2014), "Tín ngưỡng Thiên Hậu ở Nam Bộ - Hiện trạng và đặc trưng" trong *Di sản văn hóa trong xã hội Việt Nam đương đại*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr.273-323.
21. Nguyễn Cẩm Thuý chủ biên (2000), *Định cư của người Hoa trên đất Nam Bộ (từ thế kỉ XVII đến năm 1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
22. Huỳnh Văn Tới chủ biên (2001), *Địa chí Đồng Nai*, Tập V, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
23. Nguyễn Thị Anh Trâm (2013), *Tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu của người Hoa ở Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Nguyễn Thị Thanh Xuyên (2008), *Tín ngưỡng Thiên Hậu ở quận 5 thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Đại học, ngành Nhân học, Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.